

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ và Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ, và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ (để đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ);
- VPB (KSTT), Cục ĐMST, Cục TTTK, Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, CN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Xuân Định

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp Trung ương		
1	Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
3	Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
2	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
3	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
4	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư vào khu công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ban quản lý khu công nghệ cao
5	Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
7	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	2.002794	Thủ tục cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	Khoản 2 Điều 26 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH1; khoản 2 Điều 12 Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
2.	1.013957	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	Khoản 2 Điều 26 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3.	1.013960	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân			
4.	1.013964	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức	Khoản 2 Điều 26 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5.	1.013969	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân			
6.	1.013961	Thủ tục công nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Khoản 2 Điều 26 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7.	2.002609	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP về Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ban quản lý khu công nghệ cao
8.	2.002795	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	Khoản 2 Điều 26 Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; khoản 2 Điều 12 Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ có nhu cầu công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc nộp 01 (một) bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng các tiêu chí, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc văn bản công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đăng ký Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, trong đó nêu rõ mục tiêu, lĩnh vực hoạt động chính và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; - Các tài liệu minh chứng kèm theo, bao gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động; tài liệu minh chứng đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc văn bản công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đăng ký công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKH-CN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Tổ chức được công nhận là trung tâm nghiên cứu và phát triển khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Có tư cách pháp nhân, được thành lập hợp pháp và đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Có chức năng, nhiệm vụ chính là nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được ghi rõ trong một trong các văn bản sau: Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ; c) Có đội ngũ nhân lực nghiên cứu toàn thời gian tối thiểu 10 người, trong đó ít nhất 01 tiến sĩ thuộc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức; d) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu phù hợp, đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo lĩnh vực đăng ký hoạt động; được sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp; đ) Có nguồn tài chính ổn định, bảo đảm mức chi hoặc cam kết chi tối thiểu 02 tỷ đồng mỗi năm cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; e) Có kết quả nghiên cứu được ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa trong thời gian 05 năm gần nhất; hoặc có đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, bản quyền phần mềm máy tính hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 36/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 40/2026/TT-BKH-CN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản công nhận, xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ

	chiến lược, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục xác nhận, mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược; quy định trường hợp thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN [CÔNG NGHỆ CAO/CÔNG
NGHỆ CHIẾN LƯỢC]

Kính gửi: [CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN]¹

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC

- Tên tổ chức (viết bằng chữ in hoa):
- Tên viết tắt (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Email:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Cung cấp thông tin của một trong các giấy tờ sau:
- ☐ Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ số:; Ngày cấp:; Cơ quan cấp:
- ☐ Giấy công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển (nếu có) số:; Ngày cấp:; Cơ quan cấp:

II. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG

(Nêu rõ mục tiêu của Trung tâm, ví dụ: Nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, giải mã công nghệ, tạo ra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển/chiến lược có khả năng cạnh tranh quốc tế...)

III. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

(Liệt kê các lĩnh vực nghiên cứu, phát triển thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành)

IV. CAM KẾT VỀ CÁC TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN

1. Đối với Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao: Cam kết đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.
2. Đối với Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược: Cam kết đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đăng ký;

¹ Quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

3. Trong trường hợp được cấp Giấy công nhận, chúng tôi cam kết:

3.1. Duy trì đầy đủ các tiêu chí tương ứng với loại hình Trung tâm nghiên cứu và phát triển [Công nghệ cao/Công nghệ chiến lược] tối thiểu trong thời gian hiệu lực của Giấy công nhận;

3.2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất và cập nhật thông tin vào nền tảng số của cơ quan có thẩm quyền;

3.3. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát;

3.4. Hoàn trả các ưu đãi đã được hưởng nếu vi phạm.

Tài liệu minh chứng kèm theo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp văn bản công nhận cho Trung tâm.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Thủ tục xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp có nhu cầu xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc nộp 01 (một) bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược cho doanh nghiệp.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đăng ký theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; - Các tài liệu minh chứng kèm theo, bao gồm: Thuyết minh theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN, đáp ứng các tiêu chí và tài liệu minh chứng đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Nghị định 260/2026/NĐ-CP - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng các tiêu chí.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký xác nhận Doanh nghiệp công nghệ; Doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; - Thuyết minh Doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sản xuất công nghệ cao nhóm 1, doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN;

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật hành Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản công nhận, xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục xác nhận, mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược; quy định trường hợp thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN**DOANH NGHIỆP [SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO/CÔNG NGHỆ CAO NHÓM 1/CÔNG NGHỆ CAO NHÓM 2/CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC]**Kính gửi: [CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN]²**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên doanh nghiệp (ghi đúng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):.....
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp:
4. Số điện thoại: Email: Website (nếu có):
5. Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
Căn cước số: ngày cấp nơi cấp

II. LOẠI HÌNH ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN

Doanh nghiệp đăng ký xem xét xác nhận là:

- ☐ Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao
- ☐ Doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 2
- ☐ Doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 1
- ☐ Doanh nghiệp công nghệ chiến lược

III. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

1. Tên sản phẩm/dịch vụ công nghệ cao/công nghệ chiến lược đăng ký:
2. Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành (ghi rõ tên Danh mục, quyết định ban hành):
3. Tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm/dịch vụ này (%):
4. Tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm (%)³:
5. Thị trường tiêu thụ chính: ☐ Trong nước ☐ Xuất khẩu

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ² Quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.³ Tính theo công thức tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 260/2026/NĐ-CP (Không áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2)

1. Công nghệ sử dụng (mô tả ngắn gọn):
2. Hình thức sở hữu công nghệ:
☐ Sở hữu ☐ Đồng sở hữu ☐ Quyền sử dụng hợp pháp ☐ Nhận chuyển giao
3. Công nghệ lõi/công đoạn lõi do doanh nghiệp làm chủ (nếu có):

V. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

1. Tỷ lệ chi R&D tại Việt Nam trên doanh thu (%):
2. Hình thức tổ chức R&D:
☐ Trung tâm R&D ☐ Bộ phận R&D ☐ Dự án R&D chuyên trách
3. Số lượng lao động trực tiếp nghiên cứu phát triển: người
4. Kết quả R&D tiêu biểu (sản phẩm mới, sáng chế, giải pháp hữu ích,...):

VI. NHÂN LỰC KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

1. Tổng số lao động: người.
2. Lao động R&D trình độ đại học trở lên: người.
3. Nhân sự chủ chốt về công nghệ (CTO, chủ nhiệm công nghệ,...):

VII. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đăng ký;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.
3. Trong trường hợp được cấp Giấy xác nhận, chúng tôi cam kết:
 - 3.1. Duy trì đầy đủ các tiêu chí tương ứng với loại hình doanh nghiệp [Sản xuất sản phẩm công nghệ cao/Công nghệ cao/Công nghệ chiến lược] tối thiểu trong thời gian hiệu lực của Giấy xác nhận;
 - 3.2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất và cập nhật thông tin vào nền tảng số của cơ quan có thẩm quyền;
 - 3.3. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát;
 - 3.4. Hoàn trả các ưu đãi đã được hưởng nếu vi phạm.

VIII. TÀI LIỆU MINH CHỨNG KÈM THEO

(Tài liệu minh chứng việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại các Điều 13, 14, 15 và 16 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP).

Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy xác nhận Doanh nghiệp [sản xuất sản phẩm công nghệ cao/công nghệ cao nhóm 1/công nghệ cao nhóm 2/công nghệ chiến lược].

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH

DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP
[SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO/CÔNG NGHỆ CAO NHÓM 1/CÔNG
NGHỆ CAO NHÓM 2/CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Các sản phẩm chính:
4. Trụ sở đăng ký, điện thoại:
5. Hình thức đầu tư:
- Bên Việt Nam (tên công ty):.....
- Bên nước ngoài (tên công ty):
6. Thông tin doanh nghiệp:
- 6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay
- Địa chỉ:
- Diện tích sử dụng:
- 6.2. Thời hạn được phép hoạt động của doanh nghiệp:
- 6.3. Thời điểm chính thức sản xuất:
- 6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của doanh nghiệp:
- 6.5. Tổng vốn đầu tư: VN đồng/
.....USD,

trong đó:

- Vốn cố định: VN đồng/
..... USD, bao gồm:
 - + Nhà xưởng m², trị giá VN đồng/USD
 - + Văn phòng m², trị giá VN đồng/USD
 - + Trang thiết bị công nghệ trị giá VN đồng/USD
 - + Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định VN đồng/USD
- Vốn cố định khác VN đồng/USD
- Vốn pháp định VN đồng/USD
- + Bên Việt Nam%, là USD
- Gồm: - Tiền, tương đương USD
 - Tài sản khác, tương đương USD
- + Bên nước ngoài%, làUSD
- Gồm: - Tiền, tương đươngUSD
 - Tài sản khác USD

7. Các tổ chức hợp tác với doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm công nghệ cao/Sản phẩm công nghệ chiến lược:

7.1. Tên, địa chỉ tổ chức:

7.2. ...

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Mục tiêu, định hướng và kế hoạch phát triển sản phẩm của doanh nghiệp

(Thuyết minh sự phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; định hướng ứng dụng, phát triển, giải mã và làm chủ công nghệ để tạo ra sản phẩm; trình độ của sản phẩm so với khu vực và quốc tế).

.....

2. Nội dung thuyết minh doanh nghiệp [sản xuất sản phẩm công nghệ cao/công nghệ cao nhóm 1/công nghệ cao nhóm 2/công nghệ chiến lược]

(Thuyết minh việc đáp ứng tiêu chí tương ứng quy định tại Điều 13, 14, 15 và 16 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026).

a) Về tiêu chí

- Tiêu chí 1:

- Tiêu chí 2:

- Tiêu chí ...

b) Về dây chuyền công nghệ: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ.

.....

c) Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).

- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp.

- Hiệu quả của sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...).

- Lao động và đào tạo.

- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

-

III. SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO/SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

1. Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra

STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Sản phẩm tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
2						

2. Đóng góp của doanh nghiệp [sản xuất sản phẩm công nghệ cao/công nghệ cao nhóm 1/công nghệ cao nhóm 2/công nghệ chiến lược]

- Đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

.....

- Đối với kinh tế - xã hội

.....

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

....., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển/sản phẩm công nghệ chiến lược

Trình tự thực hiện	1. Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc nộp 01 (một) bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ. 2. Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng các tiêu chí, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Đơn đăng ký xác nhận thực hiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; b) Thuyết minh sản phẩm thực hiện theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; c) Tài liệu minh chứng đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược thực hiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN. - Thuyết minh sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược thực hiện theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản công nhận, xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục xác nhận, mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược; quy định trường hợp thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN****SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN/SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

Kính gửi: [Cơ quan có thẩm quyền]

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP

1. Tên tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp:
2. Mã số doanh nghiệp/quyết định thành lập/Số định danh cá nhân:
3. Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ thường trú:
4. Điện thoại: Email:
5. Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức, doanh nghiệp):
6. Chức vụ (nếu có):
7. Lĩnh vực hoạt động chính:

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN

1. Tên sản phẩm:
2. Nhóm sản phẩm/lĩnh vực công nghệ:
 - ☐ Sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển
 - ☐ Sản phẩm công nghệ chiến lược
3. Mô tả tóm tắt sản phẩm:

Chức năng, công dụng chính:

Đặc tính kỹ thuật nổi bật:

Tình trạng sản xuất, thương mại hóa:
4. Quy mô sản xuất/công suất thiết kế:
5. Thị trường tiêu thụ chính:
 - ☐ Trong nước
 - ☐ Xuất khẩu

III. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ TẠO RA SẢN PHẨM

1. Công nghệ sử dụng để tạo ra sản phẩm:

STT	Tên công nghệ	Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển/công nghệ chiến lược	Tỷ lệ đóng góp vào sản phẩm
1			
2			

2. Nguồn gốc công nghệ:

- ☐ Tự nghiên cứu, phát triển
- ☐ Nhận chuyển giao công nghệ
- ☐ Hợp tác nghiên cứu phát triển
- ☐ Khác

3. Mức độ làm chủ công nghệ tại Việt Nam:

- ☐ Làm chủ hoàn toàn
- ☐ Làm chủ một phần
- ☐ Đang nội địa hóa
- ☐ Phụ thuộc công nghệ nước ngoài

4. Tình trạng sở hữu trí tuệ liên quan:

- ☐ Bằng độc quyền sáng chế
- ☐ Giải pháp hữu ích
- ☐ Bí mật công nghệ
- ☐ Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, quyền tác giả hoặc tài liệu khác minh chứng quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản trí tuệ, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh liên quan đến sản phẩm
- ☐ Khác

Thông tin cụ thể:

IV. ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN/SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

1. Đối với sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển

a) Sản phẩm được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển

Thuyết minh:

b) Tỷ trọng giá trị gia tăng cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm

Tỷ lệ giá trị gia tăng: %

Giá trị nghiên cứu, thiết kế, phần mềm, sở hữu trí tuệ trong giá trị sản phẩm: ... %

Thuyết minh:

c) Khả năng xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu

Kim ngạch xuất khẩu dự kiến/thực tế:

Khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu:

Thuyết minh:

2. Đối với sản phẩm công nghệ chiến lược

a) Sản phẩm được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược

Thuyết minh:

b) Tác động đột phá đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc vai trò quan trọng đối với quốc phòng, an ninh

Thuyết minh:

c) Tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia

(Có sử dụng công nghệ lõi do tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam nghiên cứu, phát triển hoặc làm chủ; Có khả năng nâng cao năng lực tự chủ công nghệ, năng lực sản xuất hoặc năng lực cạnh tranh của Việt Nam)

Thuyết minh:

V. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI DỰ KIẾN

1. Doanh thu dự kiến/thực tế:

2. Tỷ lệ nội địa hóa:

3. Số lượng lao động kỹ thuật, nhân lực chất lượng cao sử dụng:

4. Đóng góp cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp phụ trợ, chuỗi giá trị trong nước:

5. Các hiệu quả khác:

VI. DANH MỤC TÀI LIỆU KÈM THEO

(Liệt kê theo quy định tương ứng với loại hình sản phẩm quy định tại khoản 4 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN)

VII. CAM KẾT

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đăng ký;

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

3. Trong trường hợp được cấp Giấy xác nhận, chúng tôi cam kết:

3.1. Duy trì đầy đủ các tiêu chí tương ứng với loại hình sản phẩm [Công nghệ cao được khuyến khích phát triển/Công nghệ chiến lược] tối thiểu trong thời gian hiệu lực của Giấy xác nhận;

3.2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất và cập nhật thông tin vào nền tảng số của cơ quan có thẩm quyền;

3.3. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát;

3.4. Hoàn trả các ưu đãi đã được hưởng nếu vi phạm.

Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển/ sản phẩm công nghệ chiến lược.

....., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC/CÁ

NHÂN/DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

THUYẾT MINH
SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN/SẢN
PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên sản phẩm:

.....

2. Loại sản phẩm đề nghị xác nhận:

☐ Sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển

☐ Sản phẩm công nghệ chiến lược

3. Tên tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp:

.....

4. Cơ sở sản xuất sản phẩm tại Việt Nam:

.....

5. Người đại diện liên hệ:

Họ và tên:

Chức vụ:

Căn cước số: ngày cấp nơi cấp

6. Thời gian bắt đầu nghiên cứu/sản xuất sản phẩm:

.....

7. Tình trạng sản phẩm:

☐ Đang nghiên cứu, hoàn thiện

☐ Đã sản xuất thử nghiệm

☐ Đã thương mại hóa

☐ Đang xuất khẩu

8. Hình thức sản xuất tại Việt Nam:

☐ Tự sản xuất toàn bộ tại Việt Nam

☐ Thuê gia công một phần tại Việt Nam

☐ Hợp tác sản xuất với doanh nghiệp trong nước

☐ Kết hợp sản xuất trong nước và nước ngoài

9. Tỷ lệ công đoạn sản xuất thực hiện tại Việt Nam:

.....

10. Tỷ lệ giá trị tạo ra tại Việt Nam (ước tính):

.....

II. THUYẾT MINH VỀ SẢN PHẨM

1. Mô tả chung về sản phẩm

1.1. Tên thương mại, ký hiệu, mã sản phẩm (nếu có)

1.2. Chức năng, công dụng chính

1.3. Đặc tính kỹ thuật nổi bật

1.4. Thành phần cấu tạo chính

1.5. Quy trình sản xuất cơ bản

1.6. Hình ảnh, sơ đồ hoặc tài liệu kỹ thuật minh họa

1.7. Tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm:

III. THUYẾT MINH VỀ CÔNG NGHỆ TẠO RA SẢN PHẨM

1. Công nghệ sử dụng

STT	Tên công nghệ	Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển/Công nghệ chiến lược	Vai trò trong sản phẩm
1			
2			

2. Nguồn gốc công nghệ

- ☐ Tự nghiên cứu, phát triển trong nước
- ☐ Nhận chuyển giao công nghệ
- ☐ Hợp tác nghiên cứu phát triển
- ☐ Kết hợp nhiều nguồn

Thuyết minh chi tiết:

3. Mức độ làm chủ công nghệ

- ☐ Làm chủ hoàn toàn
- ☐ Làm chủ phần lớn công đoạn
- ☐ Đang từng bước nội địa hóa
- ☐ Phụ thuộc công nghệ nước ngoài

Mô tả năng lực làm chủ công nghệ:

4. Công nghệ lõi, sở hữu trí tuệ và bí quyết công nghệ

4.1. Công nghệ lõi của sản phẩm

4.2. Tình trạng sở hữu trí tuệ

Loại hình	Số văn bằng/đơn đăng ký	Chủ sở hữu/quyền sử dụng	Cơ quan cấp	Tình trạng
Quyền tác giả				
Quyền liên quan đến quyền tác giả				
Quyền sở hữu công nghiệp				
Quyền đối với giống cây trồng				
Khác				

4.3. Thông tin khái quát về bí quyết công nghệ hoặc quy trình công nghệ đặc thù (nếu tổ chức, doanh nghiệp tự nguyện cung cấp)

.....

IV. ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

(Áp dụng đối với hồ sơ đăng ký xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển)

1. Sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thuyết minh và tài liệu minh chứng:

2. Sản phẩm được tạo ra từ một hoặc nhiều công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thuyết minh và tài liệu minh chứng:

3. Tỷ trọng giá trị gia tăng trong cơ cấu giá trị sản phẩm

3.1. Cơ cấu giá trị sản phẩm

Nội dung	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Nguyên vật liệu nhập khẩu		
Nguyên vật liệu trong nước		
Giá trị nghiên cứu, thiết kế		
Giá trị phần mềm, sở hữu trí tuệ		
Giá trị sản xuất trong nước		
Khác		

3.2. Thuyết minh giá trị gia tăng và phương pháp xác định giá trị gia tăng của sản phẩm tạo ra tại Việt Nam

.....

4. Khả năng xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu

4.1. Thị trường tiêu thụ

☐ Trong nước

☐ Xuất khẩu

4.2. Khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

.....

4.3. Doanh thu hoặc kim ngạch xuất khẩu dự kiến/thực tế

.....

V. ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

(Áp dụng đối với hồ sơ đăng ký xác nhận sản phẩm công nghệ chiến lược)

1. Sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thuyết minh và tài liệu minh chứng:

2. Sản phẩm được tạo ra từ một hoặc nhiều công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thuyết minh và tài liệu minh chứng:

3. Tỷ trọng giá trị gia tăng trong cơ cấu giá trị sản phẩm

3.1. Cơ cấu giá trị sản phẩm

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu		
Nguyên vật liệu, linh kiện trong nước		
Giá trị dịch vụ kỹ thuật nhập khẩu		
Giá trị dịch vụ kỹ thuật trong nước		
Giá trị nghiên cứu, thiết kế tích hợp tại Việt Nam		
Giá trị phần mềm, sở hữu trí tuệ		
Giá trị sản xuất, gia công, lắp ráp tại Việt Nam		
Khác		

3.2. Thuyết minh giá trị gia tăng và phương pháp xác định giá trị gia tăng của sản phẩm tạo ra tại Việt Nam

.....

4. Khả năng xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu

4.1. Thị trường tiêu thụ

☐ Trong nước

☐ Xuất khẩu

4.2. Khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

.....

4.3. Doanh thu hoặc kim ngạch xuất khẩu dự kiến/thực tế

.....

5. Tiêu chí về tác động đột phá đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc có vai trò quan trọng đối với quốc phòng, an ninh.

Sản phẩm công nghệ chiến lược đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Tạo đột phá về giá trị gia tăng, giải quyết các bài toán lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế.

.....

b) Tạo chuỗi giá trị, ngành sản xuất hoặc lĩnh vực dịch vụ mới; được ứng dụng trong các lĩnh vực thiết yếu.

.....

c) Là sản phẩm thiết yếu phục vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh mạng, an ninh dữ liệu hoặc bảo đảm hoạt động của hạ tầng trọng yếu quốc gia.

.....

6. Tiêu chí về lợi thế cạnh tranh quốc gia

Sản phẩm đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Thay thế sản phẩm, công nghệ nhập khẩu có ý nghĩa chiến lược.

.....

b) Tạo nền tảng dùng chung cho nhiều ngành.

.....

c) Hình thành ngành công nghiệp hoặc thị trường mới.

.....

d) Phục vụ hạ tầng trọng yếu, quốc phòng, an ninh hoặc chủ quyền số.

.....

VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI**1. Hiệu quả kinh tế**

Doanh thu dự kiến/thực tế:

Tỷ lệ nội địa hóa:

Giá trị xuất khẩu dự kiến/thực tế:

2. Hiệu quả xã hội

Số lượng lao động sử dụng:

Số lượng nhân lực công nghệ cao:

Tác động tới hệ sinh thái đổi mới sáng tạo:

3. Hiệu quả khoa học và công nghệ

.....

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN/ DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI CẤP TỈNH

1. Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ có nhu cầu công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc nộp 01 (một) bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng các tiêu chí, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc văn bản công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đăng ký Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, trong đó nêu rõ mục tiêu, lĩnh vực hoạt động chính và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; - Các tài liệu minh chứng kèm theo, bao gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động; tài liệu minh chứng đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 260/2026/NĐ-CP. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc văn bản công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đăng ký công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN;

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Tổ chức được công nhận là trung tâm nghiên cứu và phát triển khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Có tư cách pháp nhân, được thành lập hợp pháp và đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Có chức năng, nhiệm vụ chính là nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được ghi rõ trong một trong các văn bản sau: Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ; c) Có đội ngũ nhân lực nghiên cứu toàn thời gian tối thiểu 10 người, trong đó ít nhất 01 tiến sĩ thuộc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức; d) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu phù hợp, đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo lĩnh vực đăng ký hoạt động; được sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp; đ) Có nguồn tài chính ổn định, bảo đảm mức chi hoặc cam kết chi tối thiểu 02 tỷ đồng mỗi năm cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; e) Có kết quả nghiên cứu được ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa trong thời gian 05 năm gần nhất; hoặc có đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, bản quyền phần mềm máy tính hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản công nhận, xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục xác nhận, mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược; quy định trường hợp thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN [CÔNG NGHỆ CAO/CÔNG
NGHỆ CHIẾN LƯỢC]**Kính gửi: [CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN]⁴**I. THÔNG TIN TỔ CHỨC**

- Tên tổ chức (viết bằng chữ in hoa):
- Tên viết tắt (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Email:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Cung cấp thông tin của một trong các giấy tờ sau:

☐ Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ số:; Ngày cấp:; Cơ quan cấp:

☐ Giấy công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển (nếu có) số:; Ngày cấp:; Cơ quan cấp:

II. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG

(Nêu rõ mục tiêu của Trung tâm, ví dụ: Nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, giải mã công nghệ, tạo ra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển/chiến lược có khả năng cạnh tranh quốc tế...)

III. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

(Liệt kê các lĩnh vực nghiên cứu, phát triển thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành)

IV. CAM KẾT VỀ CÁC TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN

1. Đối với Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao: Cam kết đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.
2. Đối với Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược: Cam kết đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC

Chúng tôi cam kết:

⁴ Quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đăng ký;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.
3. Trong trường hợp được cấp Giấy công nhận, chúng tôi cam kết:
 - 3.1. Duy trì đầy đủ các tiêu chí tương ứng với loại hình Trung tâm nghiên cứu và phát triển [Công nghệ cao/Công nghệ chiến lược] tối thiểu trong thời gian hiệu lực của Giấy công nhận;
 - 3.2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất và cập nhật thông tin vào nền tảng số của cơ quan có thẩm quyền;
 - 3.3. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát;
 - 3.4. Hoàn trả các ưu đãi đã được hưởng nếu vi phạm.

Tài liệu minh chứng kèm theo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp văn bản công nhận cho Trung tâm.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp có nhu cầu xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc nộp 01 (một) bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao cho doanh nghiệp.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đăng ký Mẫu số 08, tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; - Các tài liệu minh chứng kèm theo, bao gồm: Thuyết minh theo mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN đáp ứng các tiêu chí và tài liệu minh chứng đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại các Điều 13 và 14 Nghị định 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký xác nhận Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ; Doanh nghiệp công nghệ cao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN. - Thuyết minh Doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sản xuất công nghệ cao nhóm 1, doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật hành Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản công nhận, xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục xác nhận, mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược; quy định trường hợp thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN**DOANH NGHIỆP [SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO/CÔNG NGHỆ CAO NHÓM 1/CÔNG NGHỆ CAO NHÓM 2/CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC]**Kính gửi: [CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN]⁵**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên doanh nghiệp (ghi đúng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):.....
2. Mã số doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp:
3. Số điện thoại: Email: Website (nếu có):
4. Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Căn cước số: ngày cấp nơi cấp

II. LOẠI HÌNH ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN

Doanh nghiệp đăng ký xem xét xác nhận là:

- ☐ Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao
- ☐ Doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 2
- ☐ Doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 1
- ☐ Doanh nghiệp công nghệ chiến lược

III. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

1. Tên sản phẩm/dịch vụ công nghệ cao/công nghệ chiến lược đăng ký:
2. Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành (ghi rõ tên Danh mục, quyết định ban hành):
3. Tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm/dịch vụ này (%):
4. Tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm (%)⁶:
5. Thị trường tiêu thụ chính: ☐ Trong nước ☐ Xuất khẩu

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ

1. Công nghệ sử dụng (mô tả ngắn gọn):
2. Hình thức sở hữu công nghệ:

⁵ Quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.⁶ Tính theo công thức tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 260/2026/NĐ-CP (Không áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2)

☐ Sở hữu ☐ Đồng sở hữu ☐ Quyền sử dụng hợp pháp ☐ Nhận chuyển giao

3. Công nghệ lõi/công đoạn lõi do doanh nghiệp làm chủ (nếu có):

V. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

1. Tỷ lệ chi R&D tại Việt Nam trên doanh thu (%):

2. Hình thức tổ chức R&D:

☐ Trung tâm R&D ☐ Bộ phận R&D ☐ Dự án R&D chuyên trách

3. Số lượng lao động trực tiếp nghiên cứu phát triển: người

4. Kết quả R&D tiêu biểu (sản phẩm mới, sáng chế, giải pháp hữu ích,...):

VI. NHÂN LỰC KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

1. Tổng số lao động: người.

2. Lao động R&D trình độ đại học trở lên: người.

3. Nhân sự chủ chốt về công nghệ (CTO, chủ nhiệm công nghệ,...):

VII. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đăng ký;

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

3. Trong trường hợp được cấp Giấy xác nhận, chúng tôi cam kết:

3.1. Duy trì đầy đủ các tiêu chí tương ứng với loại hình doanh nghiệp [Sản xuất sản phẩm công nghệ cao/Công nghệ cao/Công nghệ chiến lược] tối thiểu trong thời gian hiệu lực của Giấy xác nhận;

3.2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất và cập nhật thông tin vào nền tảng số của cơ quan có thẩm quyền;

3.3. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát;

3.4. Hoàn trả các ưu đãi đã được hưởng nếu vi phạm.

IX. TÀI LIỆU MINH CHỨNG KÈM THEO

(Tài liệu minh chứng việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại các Điều 13, 14, 15 và 16 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP).

Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy xác nhận Doanh nghiệp [sản xuất sản phẩm công nghệ cao/công nghệ cao nhóm 1/công nghệ cao nhóm 2/công nghệ chiến lược].

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH

DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP
[SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO/CÔNG NGHỆ CAO NHÓM 1/CÔNG
NGHỆ CAO NHÓM 2/CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Các sản phẩm chính:

4. Trụ sở đăng ký, điện thoại:

5. Hình thức đầu tư:

Bên Việt Nam (tên công ty):.....

Bên nước ngoài (tên công ty):

6. Thông tin doanh nghiệp:

6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay

Địa chỉ:

Diện tích sử dụng:

6.2. Thời hạn được phép hoạt động của doanh nghiệp:

6.3. Thời điểm chính thức sản xuất:

6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của doanh nghiệp:

6.5. Tổng vốn đầu tư: VN đồng/

.....USD,

trong đó:

- Vốn cố định: VN đồng/

..... USD, bao gồm:

+ Nhà xưởng m², trị giá VN đồng/USD+ Văn phòng m², trị giá VN đồng/USD

+ Trang thiết bị công nghệ trị giá VN đồng/USD

+ Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định VN đồng/USD

- Vốn cố định khác VN đồng/USD

- Vốn pháp định VN đồng/USD

+ Bên Việt Nam%, là USD

Gồm: - Tiền, tương đương USD

- Tài sản khác, tương đương USD

+ Bên nước ngoài%, làUSD

Gồm: - Tiền, tương đươngUSD

- Tài sản khác USD

7. Các tổ chức hợp tác với doanh nghiệp để sản xuất sản phẩm công nghệ cao/Sản phẩm công nghệ chiến lược:

7.1. Tên, địa chỉ tổ chức:

7.2. ...

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Mục tiêu, định hướng và kế hoạch phát triển sản phẩm của doanh nghiệp
(Thuyết minh sự phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; định hướng ứng dụng, phát triển, giải mã và làm chủ công nghệ để tạo ra sản phẩm; trình độ của sản phẩm so với khu vực và quốc tế).

2. Nội dung thuyết minh doanh nghiệp [sản xuất sản phẩm công nghệ cao/công nghệ cao nhóm 1/công nghệ cao nhóm 2/công nghệ chiến lược]
(Thuyết minh việc đáp ứng tiêu chí tương ứng quy định tại Điều 13, 14, 15 và 16 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026).

a) Về tiêu chí

- Tiêu chí 1:
- Tiêu chí 2:
- Tiêu chí ...

b) Về dây chuyền công nghệ: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ.

c) Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp.
- Hiệu quả của sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thể mạnh của địa phương,...).
- Lao động và đào tạo.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

-

III. SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO/SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

1. Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra

STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Sản phẩm tương tự		
				Trong nước	Thế giới	

1						
2						

2. Đóng góp của doanh nghiệp [sản xuất sản phẩm công nghệ cao/công nghệ cao nhóm 1/công nghệ cao nhóm 2/công nghệ chiến lược]

- Đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

.....

- Đối với kinh tế - xã hội

.....

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

....., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Doanh nghiệp có nhu cầu xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc nộp 01 (một) bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp văn bản xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược;
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đăng ký xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược theo Mẫu số 04, tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; - Các tài liệu minh chứng kèm theo, bao gồm: Thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí xác định doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; tài liệu minh chứng đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định khoản 1 Điều 11 Nghị định 260/2026/NĐ-CP. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký xác nhận Doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược theo Mẫu số 04 Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; - Thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí xác định doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản công nhận, xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục xác nhận, mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược; quy định trường hợp thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ

**XÁC NHẬN DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP [CÔNG NGHỆ CAO/CÔNG
 NGHỆ CHIẾN LƯỢC]**

Kính gửi: [Cơ quan có thẩm quyền]⁷

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp (ghi đúng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):
 2. Mã số doanh nghiệp:
 3. Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp:
 4. Số điện thoại:.....Email:.....Website (nếu có):.....
 5. Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Căn cước số: ngày cấp nơi cấp

II. LOẠI HÌNH ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN

Doanh nghiệp đăng ký xem xét xác nhận là:

- ☐ Doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao
- ☐ Doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược

III. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM/CÔNG NGHỆ KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tên sản phẩm/dịch vụ/công nghệ cốt lõi đang nghiên cứu, ươm tạo, phát triển:
2. Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành (ghi rõ tên Danh mục, quyết định ban hành):
3. Năng lực nhân sự và nghiên cứu phát triển:
4. Tổng số lao động: người.
5. Số lượng lao động trực tiếp nghiên cứu phát triển có trình độ đại học trở lên: người.

⁷ Quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.

6. Kết quả nghiên cứu phát triển tiêu biểu (*sản phẩm mẫu, sáng chế, giải pháp hữu ích, mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo...*):

7. Tình trạng hoạt động và tăng trưởng (chọn 1 trong 2):

☐ Doanh nghiệp đã hoạt động từ 03 năm trở lên: Có tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt từ 20%/năm trở lên trong 02 năm liên tiếp.

☐ Có công nghệ, sản phẩm đã sẵn sàng chuyển giao hoặc thương mại hóa, có kết quả ứng dụng, thử nghiệm hoặc giao dịch thực tế và có phương án thương mại hóa khả thi.

8. Khả năng mở rộng thị trường: ☐ Trong nước; ☐ Quốc tế

IV. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đăng ký;

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

3. Trong trường hợp được cấp Giấy xác nhận, chúng tôi cam kết:

3.1. Duy trì đầy đủ các tiêu chí tương ứng với loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp [Công nghệ cao/Công nghệ chiến lược] tối thiểu trong thời gian hiệu lực của Giấy xác nhận;

3.2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất và cập nhật thông tin vào nền tảng số của cơ quan có thẩm quyền;

3.3. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát;

3.4. Hoàn trả các ưu đãi đã được hưởng nếu vi phạm.

V. TÀI LIỆU MINH CHỨNG KÈM THEO

(*Tài liệu minh chứng việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP*).

Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp [công nghệ cao/công nghệ chiến lược].

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

THUYẾT MINH
DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP
KHOẢNG NGHIỆP [CÔNG NGHỆ CAO/CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Các sản phẩm/dịch vụ khởi nghiệp chính:
4. Trụ sở đăng ký, điện thoại:
5. Hình thức đầu tư:
 - Bên Việt Nam (tên công ty):
 - Bên nước ngoài (tên công ty):
6. Thông tin doanh nghiệp:
 - 6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay
 Địa chỉ:
 Diện tích sử dụng:
 - 6.2. Thời hạn được phép hoạt động của doanh nghiệp:
 - 6.3. Thời điểm chính thức sản xuất:
 - 6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của doanh nghiệp:
 - 6.5. Tổng vốn đầu tư: VN đồng/
 USD,

trong đó:

 - Vốn cố định: VN đồng/
USD, bao gồm:
 - + Nhà xưởng m², trị giá VN đồng/USD
 - + Văn phòng m², trị giá VN đồng/USD
 - + Trang thiết bị công nghệ trị giá VN đồng/USD
 - + Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định VN đồng/USD
 - Vốn cố định khác VN đồng/USD
 - Vốn pháp định VN đồng/USD
 - + Bên Việt Nam%, là USD
 - Gồm: - Tiền, tương đương USD
 - Tài sản khác, tương đương USD
 - + Bên nước ngoài%, là USD
 - Gồm: - Tiền, tương đương USD
 - Tài sản khác USD

7. Các tổ chức hợp tác với doanh nghiệp để nghiên cứu, phát triển, sản xuất sản phẩm
(Tên tổ chức, Địa chỉ, Ghi chú):

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Mục tiêu, định hướng và kế hoạch phát triển sản phẩm của doanh nghiệp
(Thuyết minh sự phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương;
định hướng ứng dụng, phát triển, giải mã và làm chủ công nghệ để tạo ra sản phẩm;
trình độ của sản phẩm so với khu vực và quốc tế).

.....

2. Nội dung thuyết minh đáp ứng tiêu chí Doanh nghiệp Khởi nghiệp [công nghệ cao/công
nghệ chiến lược]

(Thuyết minh việc đáp ứng tiêu chí tương ứng theo quy định tại điểm a, d khoản 4 Điều
21 của Luật Công nghệ cao và khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 260/2026/NĐ-CP)

a) Về tiêu chí

- Tiêu chí 1

- Tiêu chí 2

- Tiêu chí ...

b) Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Về dây chuyền công nghệ: các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành). Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ.

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).

- Năng lực chuyên môn, năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ...) của doanh nghiệp.

- Hiệu quả của sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thể mạnh của địa phương,...).

- Lao động và đào tạo.

- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

-

III. SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO/SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

1. Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra

STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Sản phẩm tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
2						

2. Đóng góp của doanh nghiệp [sản xuất sản phẩm công nghệ cao/công nghệ cao nhóm 1/công nghệ cao nhóm 2/công nghệ chiến lược]

- Đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

.....

- Đối với kinh tế - xã hội

.....

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

.....

....., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

4. Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư vào khu công nghệ cao

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Nhà đầu tư có nhu cầu xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc nộp 01 (một) bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Thẩm định hồ sơ - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban quản lý khu công nghệ cao gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan khác căn cứ theo phạm vi và lĩnh vực có liên quan. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng các tiêu chí quy định tại Nghị định 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 đối với từng loại hình dự án đầu tư tương ứng. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức đánh giá hồ sơ và lập báo cáo đánh giá việc đáp ứng tiêu chí quy định tại Nghị định 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 đối với từng loại hình dự án đầu tư tương ứng. - Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc Ban quản lý khu công nghệ cao gửi nhà đầu tư và Chủ đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư dự án cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (nếu có) văn bản xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí hoạt động công nghệ cao để làm căn cứ thực hiện thuê đất, thuê lại đất; thuê nhà xưởng, văn phòng, kho bãi. - Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc kết quả đánh giá theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 không đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoặc có kết quả đánh giá về dự án đầu tư, Ban quản lý khu công nghệ cao thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và Chủ đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư dự án cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (nếu có) biết và nêu rõ lý do không đạt yêu cầu.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, trong đó có cam kết về việc chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án đầu tư nhận được kết quả đánh giá không đạt yêu cầu; - Tài liệu về tư cách pháp nhân của nhà đầu tư;

	- Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: giải trình và cam kết việc đáp ứng đối với từng tiêu chí quy định tại Điều 26 Nghị định 260/2026/NĐ-CP; mục tiêu, quy mô, vốn, tiến độ đầu tư; nhu cầu sử dụng lao động, đất đai; đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư; đánh giá sơ bộ tác động môi trường. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Dự án đầu tư vào khu công nghệ cao quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ban quản lý khu công nghệ cao
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư vào khu công nghệ cao.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Không.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật hành Luật Công nghệ cao.

5. Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược

Trình tự thực hiện	1. Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc nộp 01 (một) bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. 2. Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đáp ứng các tiêu chí, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Đơn đăng ký xác nhận thực hiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; b) Thuyết minh sản phẩm thực hiện theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN; c) Tài liệu minh chứng đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược thực hiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN.

	- Thuyết minh sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược thực hiện theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2026/TT-BKHCHN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 40/2026/TT-BKHCHN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản công nhận, xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược; tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục xác nhận, mẫu hồ sơ đăng ký, mẫu văn bản xác nhận, mẫu biên bản kiểm tra sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược; quy định trường hợp thu hồi, hủy bỏ hiệu lực văn bản xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN/SẢN
PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Kính gửi: [Cơ quan có thẩm quyền]

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP

8. Tên tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp:
9. Mã số doanh nghiệp/quyết định thành lập/Số định danh cá nhân:
10. Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ thường trú:
11. Điện thoại: Email:
12. Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức, doanh nghiệp):
13. Chức vụ (nếu có):
14. Lĩnh vực hoạt động chính:

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ XÁC NHẬN

4. Tên sản phẩm:
5. Nhóm sản phẩm/lĩnh vực công nghệ:
 - ☐ Sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển
 - ☐ Sản phẩm công nghệ chiến lược
6. Mô tả tóm tắt sản phẩm:

Chức năng, công dụng chính:

Đặc tính kỹ thuật nổi bật:

Tình trạng sản xuất, thương mại hóa:
6. Quy mô sản xuất/công suất thiết kế:
7. Thị trường tiêu thụ chính:
 - ☐ Trong nước
 - ☐ Xuất khẩu

III. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ TẠO RA SẢN PHẨM

1. Công nghệ sử dụng để tạo ra sản phẩm:

STT	Tên công nghệ	Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển/công nghệ chiến lược	Tỷ lệ đóng góp vào sản phẩm
1			
2			

2. Nguồn gốc công nghệ:

- ☐ Tự nghiên cứu, phát triển
☐ Nhận chuyển giao công nghệ
☐ Hợp tác nghiên cứu phát triển
☐ Khác

3. Mức độ làm chủ công nghệ tại Việt Nam:

- ☐ Làm chủ hoàn toàn
☐ Làm chủ một phần
☐ Đang nội địa hóa
☐ Phụ thuộc công nghệ nước ngoài

4. Tình trạng sở hữu trí tuệ liên quan:

- ☐ Bằng độc quyền sáng chế
☐ Giải pháp hữu ích
☐ Bí mật công nghệ
☐ Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, quyền tác giả hoặc tài liệu khác minh chứng quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản trí tuệ, bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh liên quan đến sản phẩm
☐ Khác

Thông tin cụ thể:

IV. ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN/SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

1. Đối với sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển

a) Sản phẩm được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển

Thuyết minh:

b) Tỷ trọng giá trị gia tăng cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm

Tỷ lệ giá trị gia tăng: %

Giá trị nghiên cứu, thiết kế, phần mềm, sở hữu trí tuệ trong giá trị sản phẩm: ... %

Thuyết minh:

c) Khả năng xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu

Kim ngạch xuất khẩu dự kiến/thực tế:

Khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu:

Thuyết minh:

2. Đối với sản phẩm công nghệ chiến lược

a) Sản phẩm được tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược

Thuyết minh:

b) Tác động đột phá đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc vai trò quan trọng đối với quốc phòng, an ninh

Thuyết minh:

c) Tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia

(Có sử dụng công nghệ lõi do tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam nghiên cứu, phát triển hoặc làm chủ; Có khả năng nâng cao năng lực tự chủ công nghệ, năng lực sản xuất hoặc năng lực cạnh tranh của Việt Nam)

Thuyết minh:

V. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI DỰ KIẾN

6. Doanh thu dự kiến/thực tế:

7. Tỷ lệ nội địa hóa:

8. Số lượng lao động kỹ thuật, nhân lực chất lượng cao sử dụng:

9. Đóng góp cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp phụ trợ, chuỗi giá trị trong nước:

10. Các hiệu quả khác:

VI. DANH MỤC TÀI LIỆU KÈM THEO

(Liệt kê theo quy định tương ứng với loại hình sản phẩm quy định tại khoản 4 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN)

VII. CAM KẾT

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, đầy đủ và chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đăng ký;

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

3. Trong trường hợp được cấp Giấy xác nhận, chúng tôi cam kết:

3.1. Duy trì đầy đủ các tiêu chí tương ứng với loại hình sản phẩm [Công nghệ cao được khuyến khích phát triển/Công nghệ chiến lược] tối thiểu trong thời gian hiệu lực của Giấy xác nhận;

3.2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất và cập nhật thông tin vào nền tảng số của cơ quan có thẩm quyền;

3.3. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát;

3.4. Hoàn trả các ưu đãi đã được hưởng nếu vi phạm.

Kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển/sản phẩm công nghệ chiến lược.

....., ngày tháng năm 20....

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC/CÁ
NHÂN/DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

THUYẾT MINH
SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN/SẢN
PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên sản phẩm:

.....

2. Loại sản phẩm đề nghị xác nhận:

☐ Sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển

☐ Sản phẩm công nghệ chiến lược

3. Tên tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp:

.....

4. Cơ sở sản xuất sản phẩm tại Việt Nam:

.....

5. Người đại diện liên hệ:

Họ và tên:

Chức vụ:

Căn cước số: ngày cấp nơi cấp

6. Thời gian bắt đầu nghiên cứu/sản xuất sản phẩm:

.....

7. Tình trạng sản phẩm:

☐ Đang nghiên cứu, hoàn thiện

☐ Đã sản xuất thử nghiệm

☐ Đã thương mại hóa

☐ Đang xuất khẩu

8. Hình thức sản xuất tại Việt Nam:

☐ Tự sản xuất toàn bộ tại Việt Nam

☐ Thuê gia công một phần tại Việt Nam

☐ Hợp tác sản xuất với doanh nghiệp trong nước

☐ Kết hợp sản xuất trong nước và nước ngoài

9. Tỷ lệ công đoạn sản xuất thực hiện tại Việt Nam:

.....

10. Tỷ lệ giá trị tạo ra tại Việt Nam (ước tính):

.....

II. THUYẾT MINH VỀ SẢN PHẨM

1. Mô tả chung về sản phẩm

1.1. Tên thương mại, ký hiệu, mã sản phẩm (nếu có)

.....

1.2. Chức năng, công dụng chính

.....

1.3. Đặc tính kỹ thuật nổi bật

.....

1.4. Thành phần cấu tạo chính

.....

1.5. Quy trình sản xuất cơ bản

.....

1.6. Hình ảnh, sơ đồ hoặc tài liệu kỹ thuật minh họa

.....

1.7. Tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm:

III. THUYẾT MINH VỀ CÔNG NGHỆ TẠO RA SẢN PHẨM

1. Công nghệ sử dụng

STT	Tên công nghệ	Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển/Công nghệ chiến lược	Vai trò trong sản phẩm
1			
2			

2. Nguồn gốc công nghệ

- ☐ Tự nghiên cứu, phát triển trong nước
- ☐ Nhận chuyển giao công nghệ
- ☐ Hợp tác nghiên cứu phát triển
- ☐ Kết hợp nhiều nguồn

Thuyết minh chi tiết:

.....

3. Mức độ làm chủ công nghệ

- ☐ Làm chủ hoàn toàn
- ☐ Làm chủ phần lớn công đoạn
- ☐ Đang từng bước nội địa hóa
- ☐ Phụ thuộc công nghệ nước ngoài

Mô tả năng lực làm chủ công nghệ:

.....

4. Công nghệ lõi, sở hữu trí tuệ và bí quyết công nghệ

4.1. Công nghệ lõi của sản phẩm

.....

4.2. Tình trạng sở hữu trí tuệ

Loại hình	Số văn bằng/đơn đăng ký	Chủ sở hữu/quyền sử dụng	Cơ quan cấp	Tình trạng
Quyền tác giả				
Quyền liên quan đến quyền tác giả				
Quyền sở hữu công nghiệp				
Quyền đối với giống cây trồng				
Khác				

4.3. Thông tin khái quát về bí quyết công nghệ hoặc quy trình công nghệ đặc thù (nếu tổ chức, doanh nghiệp tự nguyện cung cấp)

.....

IV. ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN

(Áp dụng đối với hồ sơ đăng ký xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển)

1. Sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thuyết minh và tài liệu minh chứng:

2. Sản phẩm được tạo ra từ một hoặc nhiều công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thuyết minh và tài liệu minh chứng:

3. Tỷ trọng giá trị gia tăng trong cơ cấu giá trị sản phẩm

3.1. Cơ cấu giá trị sản phẩm

Nội dung	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Nguyên vật liệu nhập khẩu		
Nguyên vật liệu trong nước		
Giá trị nghiên cứu, thiết kế		
Giá trị phần mềm, sở hữu trí tuệ		

Giá trị sản xuất trong nước		
Khác		

3.2. Thuyết minh giá trị gia tăng và phương pháp xác định giá trị gia tăng của sản phẩm tạo ra tại Việt Nam

.....

4. Khả năng xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu

4.1. Thị trường tiêu thụ

☐ Trong nước

☐ Xuất khẩu

4.2. Khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

.....

4.3. Doanh thu hoặc kim ngạch xuất khẩu dự kiến/thực tế

.....

V. ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

(Áp dụng đối với hồ sơ đăng ký xác nhận sản phẩm công nghệ chiến lược)

1. Sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thuyết minh và tài liệu minh chứng:

2. Sản phẩm được tạo ra từ một hoặc nhiều công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Thuyết minh và tài liệu minh chứng:

3. Tỷ trọng giá trị gia tăng trong cơ cấu giá trị sản phẩm

3.1. Cơ cấu giá trị sản phẩm

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu		
Nguyên vật liệu, linh kiện trong nước		
Giá trị dịch vụ kỹ thuật nhập khẩu		
Giá trị dịch vụ kỹ thuật trong nước		
Giá trị nghiên cứu, thiết kế tích hợp tại Việt Nam		
Giá trị phần mềm, sở hữu trí tuệ		
Giá trị sản xuất, gia công, lắp ráp tại Việt Nam		
Khác		

3.2. Thuyết minh giá trị gia tăng và phương pháp xác định giá trị gia tăng của sản phẩm tạo ra tại Việt Nam

.....

4. Khả năng xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu

4.1. Thị trường tiêu thụ

☐ Trong nước

☐ Xuất khẩu

4.2. Khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

.....

4.3. Doanh thu hoặc kim ngạch xuất khẩu dự kiến/thực tế

.....

5. Tiêu chí về tác động đột phá đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc có vai trò quan trọng đối với quốc phòng, an ninh.

Sản phẩm công nghệ chiến lược đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Tạo đột phá về giá trị gia tăng, giải quyết các bài toán lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế.

.....

b) Tạo chuỗi giá trị, ngành sản xuất hoặc lĩnh vực dịch vụ mới; được ứng dụng trong các lĩnh vực thiết yếu.

.....

c) Là sản phẩm thiết yếu phục vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh mạng, an ninh dữ liệu hoặc bảo đảm hoạt động của hạ tầng trọng yếu quốc gia.

.....

6. Tiêu chí về lợi thế cạnh tranh quốc gia

Sản phẩm đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Thay thế sản phẩm, công nghệ nhập khẩu có ý nghĩa chiến lược.

.....

b) Tạo nền tảng dùng chung cho nhiều ngành.

.....

c) Hình thành ngành công nghiệp hoặc thị trường mới.

.....

d) Phục vụ hạ tầng trọng yếu, quốc phòng, an ninh hoặc chủ quyền số.

.....

VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Hiệu quả kinh tế

Doanh thu dự kiến/thực tế:

Tỷ lệ nội địa hóa:

Giá trị xuất khẩu dự kiến/thực tế:

2. Hiệu quả xã hội

Số lượng lao động sử dụng:

Số lượng nhân lực công nghệ cao:

Tác động tới hệ sinh thái đổi mới sáng tạo:

3. Hiệu quả khoa học và công nghệ

.....

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN/ DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

Trình tự thực hiện	1. Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Tổ chức/cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. 2. Bước 2: Thẩm định hồ sơ - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ đề nghị chứng nhận cơ sở ươm tạo (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn). - Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức họp Hội đồng tư vấn để thẩm định, đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí, điều kiện của cơ sở ươm tạo. - Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định của Hội đồng tư vấn: + Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trả trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; đồng thời cập nhật thông tin công khai lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. + Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân đề nghị. - Tổng thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận không quá 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: + Bản chính Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Biểu B1a-TCCSUT hoặc Biểu B1b-CNCSUT tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN.

	+ Bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đề nghị chứng nhận theo quy định của pháp luật. + Bản chính Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo theo Biểu B2-TMCSUT tại Điều 4 Thông tư số 38/2026/TT-BKHCHN + Bản chính Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng với cơ sở ươm tạo từ 36 tháng trở lên theo Biểu B3a-LLKH và Bản chính danh sách các chuyên gia ký thỏa thuận hợp tác theo Biểu B3b-DSCG tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BKHCHN. + Văn bản chứng minh nguồn lực tài chính là bản chính hoặc bản sao có chứng thực theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 38/2026/TT-BKHCHN. - Bản chính văn bản chứng minh khả năng liên kết (Trường hợp sử dụng trang thiết bị, máy móc của các đơn vị liên kết); + Bản chính Văn bản thỏa thuận hợp tác của cơ sở ươm tạo với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo (nếu có). - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo Biểu B1a-TCCSUT hoặc Biểu B1b-CNCSUT tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BKHCHN. 2. Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo Biểu B2-TMCSUT tại Phụ lục Thông tư số 38/2026/TT-BKHCHN. 3. Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng với cơ sở ươm tạo từ 36 tháng trở lên theo Biểu B3a-LLKH và Bản chính danh sách các chuyên gia ký thỏa thuận hợp tác theo Biểu B3b-DSCG tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BKHCHN.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 38/2026/TT-BKHHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG
NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO,
DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC⁸

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

1. Thông tin chung:

- Tên tổ chức đề nghị:
- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
- Địa chỉ liên hệ:
- Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo:
- Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở ươm tạo được đầu tư theo Quyết định đầu tư/Giấy phép đầu tư hoặc văn bản pháp lý tương đương số: ngày tháng năm của

3. Hồ sơ gồm:

- (1) Bản chính đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Biểu B1a-TCCSUT).
- (2) Bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đề nghị chứng nhận theo quy định của pháp luật.
- (3) Bản chính Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo đáp ứng các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 của Thông tư này (Biểu B2-TMCSUT).
- (4) Bản chính Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng với cơ sở ươm tạo từ 24 tháng trở lên theo Biểu B3a-LLKH và Bản chính danh sách các chuyên gia ký thỏa thuận hợp tác theo Biểu B3b-DSCG.
- (5) Văn bản chứng minh nguồn lực tài chính là bản chính hoặc bản sao có chứng

⁸ Tổ chức có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

thực theo quy định:

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện hoạt động ươm tạo;

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện hoạt động ươm tạo;

c) Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện hoạt động ươm tạo.

(6) Trường hợp sử dụng trang thiết bị, máy móc của các đơn vị liên kết, phải kèm theo Bản chính văn bản chứng minh khả năng liên kết.

(7) Bản chính Văn bản thỏa thuận hợp tác của cơ sở ươm tạo với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo (nếu có).

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của các nội dung kê khai, tài liệu trong hồ sơ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị Quý Ủy ban xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày.... tháng..... năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

- Tên cá nhân đề nghị:
- Mã định danh: (Số định danh cá nhân/CCCD/Hộ chiếu)
- Địa chỉ liên hệ:
- Địa điểm thực hiện cơ sở ương tạo:
- Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở ương tạo được đầu tư theo Quyết định đầu tư/Giấy phép đầu tư hoặc văn bản pháp lý tương đương số: ngày tháng năm của

(1) Bản chính Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhân (Biểu B1b-CNCSUT).

(2) Bản sao có chứng thực căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (còn giá trị ít nhất 12 tháng).

(3) Bản chính Thuyết minh về năng lực của cơ sở ương tạo đáp ứng các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4 của Thông tư này (Biểu B2-TMCSUT).

(4) Bản chính Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng với cơ sở ương tạo từ 24 tháng trở lên theo Biểu B3a-LLKH và Bản chính danh sách các chuyên gia ký thỏa thuận hợp tác theo Biểu B3b-DSCG.

(5) Văn bản chứng minh nguồn lực tài chính là bản chính hoặc bản sao có chứng thực theo quy định:

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện hoạt động ương tạo;

⁹ Cá nhân có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ương tạo nêu trên.

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện hoạt động ươm tạo;

c) Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng: cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện hoạt động ươm tạo.

(6) Trường hợp sử dụng trang thiết bị, máy móc của các đơn vị liên kết, phải kèm theo Bản chính văn bản chứng minh khả năng liên kết.

(7) Bản chính Văn bản thỏa thuận hợp tác của cơ sở ươm tạo với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo (nếu có).

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của các nội dung kê khai, tài liệu trong hồ sơ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị Quý Ủy ban xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

ĐẠI DIỆN CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

**THUYẾT MINH NĂNG LỰC CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG
 NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO,
 DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC¹⁰**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở ươm tạo: (Ghi đầy đủ tên tiếng Việt, tên viết tắt và tên tiếng nước ngoài nếu có).
2. Loại hình tổ chức: (Công lập/Ngoài công lập/Có vốn đầu tư nước ngoài).
3. Mã số doanh nghiệp/Mã định danh: (Đảm bảo tính duy nhất để đồng bộ dữ liệu quốc gia).
4. Địa điểm đặt trụ sở:
- 4.1. Thuyết minh tính gắn kết địa lý và chuyên môn với các trường đại học, viện nghiên cứu hoặc khu công nghệ cao.
- 4.2. Tổng diện tích mặt bằng:
- 4.3. Lĩnh vực công nghệ/sản phẩm trọng tâm: (Ghi rõ theo Danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành)

II. GIẢI TRÌNH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ

1. Tiêu chí, điều kiện chung
 - a) Tư cách pháp nhân: Là tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.
 - b) Phương án tài chính: Giải trình phương án tài chính khả thi (vốn tự có, vốn huy động hoặc cam kết tài trợ), đảm bảo vận hành bộ máy và duy trì hoạt động hỗ trợ ươm tạo liên tục trong tối thiểu 02 năm.
 - c) Địa điểm và hợp tác: Mô tả địa điểm đặt trụ sở hợp pháp phù hợp quy mô; đính kèm các thỏa thuận hợp tác với cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo để phục vụ hoạt động ươm tạo.
 - d) Hệ thống quản lý: Mô tả hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, bao gồm các quy trình: tiếp nhận, đánh giá, theo dõi và hỗ trợ dự án ươm tạo đã được xây dựng và áp dụng thực tế.
 - đ) Hạ tầng số: Giải trình về hạ tầng số đồng bộ, năng lực vận hành nền tảng quản trị nội bộ và khả năng kết nối dữ liệu với nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.
 - e) Đội ngũ quản lý: Liệt kê đội ngũ quản lý cơ hữu (tối thiểu 03 người), đảm bảo ít nhất 2/3 thành viên có trình độ đại học trở lên.
 - g) Chuyên gia tư vấn: Thông tin về ít nhất 01 chuyên gia tư vấn có trình độ đại học trở lên, có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp và có hợp đồng tư vấn từ 24

¹⁰ Thuyết minh năng lực của cơ sở ươm tạo đối với một hoặc nhiều hoạt động ươm tạo nêu trên.

tháng trở lên.

h) Kế hoạch và lộ trình: Thuyết minh kế hoạch, lộ trình ươm tạo rõ ràng, xác định cụ thể các mốc kiểm soát chất lượng đầu vào và đánh giá kết quả đầu ra đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

2. Tiêu chí, điều kiện riêng đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược

a) Danh mục công nghệ thực hiện ươm tạo: Giải trình chi tiết các công nghệ đang và sẽ thực hiện ươm tạo. Các công nghệ này phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Mạng lưới chuyên gia tư vấn:

- Thuyết minh về mạng lưới chuyên gia có chuyên môn sâu về công nghệ ươm tạo và sở hữu trí tuệ.

- Cung cấp thông tin về các thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng cộng tác viên đã ký kết với các chuyên gia (có thể là cá nhân độc lập, thuộc tổ chức tư vấn hoặc giảng viên, nhà nghiên cứu).

c) Cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật:

- Chứng minh quyền sở hữu trực tiếp, thuê dài hạn, hợp tác liên kết hoặc sử dụng dịch vụ từ bên thứ ba đối với hệ thống cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm hoặc cơ sở nghiên cứu và phát triển.

- Giải trình về các thiết bị thiết yếu được trang bị, đảm bảo đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật để triển khai hoạt động ươm tạo đối với từng loại hình công nghệ cụ thể.

- Đính kèm các văn bản thỏa thuận hợp tác với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo để làm rõ khả năng tiếp cận hạ tầng kỹ thuật.

d) Tiêu chuẩn đối với ươm tạo công nghệ chiến lược: Riêng đối với hoạt động ươm tạo công nghệ chiến lược, hệ thống phòng thí nghiệm và phòng thử nghiệm được sử dụng phải có hệ thống quản lý năng lực đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.

3. Tiêu chí, điều kiện riêng đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

a) Sản phẩm mục tiêu: Doanh nghiệp được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược là doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Có không gian làm việc chung, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm và các tiện ích phụ trợ bảo đảm phù hợp với loại hình, quy mô của cơ sở ươm tạo.

c) Có mạng lưới chuyên gia tư vấn đa lĩnh vực (công nghệ, pháp lý, sở hữu trí tuệ, tài chính, marketing, quản trị doanh nghiệp, chuỗi cung ứng, hàng rào kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài) thông qua các thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng cộng tác viên. Các chuyên gia có thể là cá nhân hành nghề độc lập, thuộc tổ chức tư vấn chuyên nghiệp hoặc giảng viên, nhà nghiên cứu có hợp đồng làm việc phù hợp.

d) Có quyền sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất, phòng thử nghiệm,

khu sản xuất thử nghiệm được trang bị các thiết bị bảo đảm cho hoạt động ươm tạo.

đ) Đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ chiến lược thì hệ thống phòng thử nghiệm sản phẩm công nghệ chiến lược được sử dụng phải có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành.

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm phải đạt	Thời gian Thực hiện	Ghi chú
1				
2				
...				

IV. DỰ KIẾN SẢN PHẨM VÀ ĐÓNG GÓP

1. Dạng kết quả dự kiến

Dây chuyền công nghệ, sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu, giống cây trồng, giống gia súc, các sản phẩm khác.

2. Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra

STT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1						
2						
...						

V. ĐÓNG GÓP CỦA CƠ SỞ ƯƠM TẠO

- Đối với khoa học và công nghệ
- Đối với kinh tế - xã hội

....., ngày... tháng... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CHUYÊN GIA TƯ VẤN¹¹**

1. Họ và tên:			
2. Ngày/tháng/năm sinh:		Nam/Nữ:	
3. Số định danh cá nhân/CCCD:			
4. Chức danh/Học hàm: Học vị:			
5. Chức danh nghề nghiệp ¹² : Chức vụ:			
6. Điện thoại:		E-mail:	
7. Địa chỉ:			
8. Nơi làm việc của cá nhân đăng ký chuyên gia tư vấn: Tên tổ chức, cá nhân: Tên người Lãnh đạo: Điện thoại : Địa chỉ:			
9. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sĩ			
Tiến sĩ			
Sau tiến sĩ			
10. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ tổ chức
11. Các công trình công bố chủ yếu			

¹¹ Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký tham gia tư vấn với cơ sở ương tạo. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

¹² Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

(liệt kê các công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo đăng ký trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí, nhà xuất bản)	Năm công bố

12. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

(liệt kê các văn bằng bảo hộ: sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng liên quan lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

TT	Tên, số, nội dung văn bằng bảo hộ	Năm cấp văn bằng

13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn

(liên quan đến lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian

14. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia

(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

Tên nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

15. Giải thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

16. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác

(liên quan đến lĩnh vực công nghệ, sản phẩm hoặc hoạt động ươm tạo - nếu có)

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA
CHUYÊN GIA TƯ VẤN¹³**
(Xác nhận và đóng dấu)

....., ngày tháng năm 20...
CHUYÊN GIA TƯ VẤN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần
thiết để Ông, Bà tham gia tư vấn với
cơ sở ươm tạo

¹³ Nhà khoa học không thuộc tổ chức nào thì không xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

TT	Họ và tên	Lĩnh vực tư vấn	Đơn vị công tác	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

....., ngày....tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

7. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược

Trình tự thực hiện	1. Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Cơ sở ươm tạo gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận Công dịch vụ công quốc gia, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.. 2. Bước 2: Thẩm định hồ sơ - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung. - Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, cấp lại và trả Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, trả trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính, đồng thời cập nhật thông tin lên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. - Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Tổng thời gian thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: -Nộp trực tuyến tại Công dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc ứng dụng định danh quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: + Bản chính văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại theo Biểu B8a-TCCLCSUT hoặc Biểu B8b-CNCLCSUT tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN. + Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 38/2026/TT-BKHCN. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ sở ươm tạo
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo Biểu B8a-TCCCLCSUT hoặc Biểu B8b-CNCLCSUT tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 38/2026/TT-BKHCHN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; - Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao; - Thông tư số 38/2026/TT-BKHCHN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.

Biểu B8a-TCCLCSUT
38/2026/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG
NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO,
DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC¹⁴

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

1. Thông tin chung:

- Tên tổ chức đề nghị:
- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
- Địa chỉ liên hệ:
- Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo:
- Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở ươm tạo được đầu tư theo Quyết định đầu tư/Giấy phép đầu tư hoặc văn bản pháp lý tương đương số: ngày tháng năm của

3. Lý do cấp lại:

4. Hồ sơ gồm¹⁵:

a) Bản chính văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại (Biểu B8a-TCCLCSUT).

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo theo quy định.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹⁴ Tổ chức có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

¹⁵ Trường hợp thông tin, giấy tờ liên quan đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, cơ sở ươm tạo không phải nộp lại.

Biểu B8b-CNCLCSUT
38/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG
NGHỆ CHIẾN LƯỢC, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO,
DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC¹⁶**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

1. Thông tin chung:

- Tên cá nhân đề nghị:
- Mã định danh: (Số định danh cá nhân/CCCD/Hộ chiếu)
- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:
- Địa chỉ liên hệ:
- Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo:
- Điện thoại: Fax:

2. Cơ sở ươm tạo được đầu tư theo Quyết định đầu tư/Giấy phép đầu tư hoặc văn bản pháp lý tương đương số: ngày tháng năm của

3. Lý do cấp lại:

4. Hồ sơ gồm¹⁷:

a) Bản chính văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại (Biểu B8b-CNCLCSUT).

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực các tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo theo quy định.

ĐẠI DIỆN CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹⁶ Cá nhân có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với một hoặc nhiều loại hình hoạt động ươm tạo nêu trên.

¹⁷ Trường hợp thông tin, giấy tờ liên quan đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, cơ sở ươm tạo không phải nộp lại.